

Test 01:

101. recommendation letter: thư giới thiệu

Dịch: Dr. Braun sẽ viết thư giới thiệu chỉ cho những thực tập sinh đã thành thạo những công việc dành cho biên tập viên bản in cấp dưới.

102. Sau “the” + noun

Dịch: Việc bổ nhiệm một giám đốc tài chính mới tại công ty Veracore đã được thông báo vào ngày 6 tháng 4.

103. eligible+ to: có điều kiện (=qualified= entitled)

Dịch: Sau thời gian thử việc 6 tháng, các nhân viên công ty có điều kiện để có những ngày nghỉ phép.

104. Giải thích: câu này đã có các bộ phận chính, chủ ngữ (*the permits*), vị ngữ (*for the outdoor art event*) đầy đủ nên động từ thêm vào phía sau giống như 1 mệnh đề quan hệ rút gọn ở bị động: (*which are required*).

Dịch: Bà Larensky đang nộp đơn với một số cơ quan khác nhau để có được giấy phép cần thiết cho sự kiện nghệ thuật ngoài trời.

105. as+ noun

Dịch: thư này đóng vai trò xác nhận rằng chúng tôi đã nhận và xử lý yêu cầu hủy thẻ tín dụng của bạn.

Serve as + N: đóng vai trò như là ...

106. Sau cụm từ chỉ số lượng: a handful + of + Noun/ Object pronoun

Dịch: Nhiều người ở công ty có kinh nghiệm trong ngành, nhưng chỉ một số ít người trong chúng ta có thể thấy tầm quan trọng trong tương lai của những xu hướng hiện tại.

107. Câu hỏi về từ vựng

Dịch: Đồ nội thất mới cho phòng hội thảo dự kiến sẽ được giao vào đầu ngày thứ Ba.

108. Câu hỏi về từ vựng

Dịch: Sau khi làm việc ở Canada trong 10 năm, Cha Joon đã quay trở về Seoul để lên kế hoạch mở một nhà hàng cao cấp

109. Vị trí cần điền là một trạng từ bổ ngữ cho cụm V+O “perform a detailed financial analysis”

Dịch: Hệ thống cơ sở dữ liệu Toucan được thiết kế để thực hiện phân tích tài chính chi tiết một cách tự động.

110. Câu hỏi về từ vựng:

Statement: tuyên bố

Project: dự án

Permission: sự cho phép

Ability: khả năng

Dịch: Hội đồng thành phố đã chấp thuận dự luật tăng ngân sách cho dự án cải tiến đường bộ của thành phố.

111. Câu này đã đầy đủ bộ phận chính: chủ ngữ, vị ngữ, nên sau residents là mệnh đề quan hệ, chỗ cần điền là một đại từ quan hệ chỉ người bổ nghĩa cho từ residents (cư dân), do vậy B là đáp án đúng.

Cấu trúc: volunteer sth + to V

Chương trình tham gia khu phố tôn vinh những cư dân tình nguyện dành thời gian của họ để giúp thành phố Egin.

112. Ta thấy câu thiếu động từ chính nên cần 1 động từ chính chia ở quá khứ đơn, chọn đáp án B

Dịch: Một số kiến trúc sư đã đề xuất các kế hoạch thiết kế hấp dẫn để bổ sung cho toàn nhà Hadler.

113.

Within: trong/trong vòng

During: trong suốt (quá trình)

Until: cho đến khi

Since: kể từ khi

Dịch: Chương trình đào tạo cập nhật được giới hạn cho các giám sát viên tại cơ sở trong hệ thống chăm sóc y tế Casey.

114. Câu này có 2 mệnh đề: mệnh đề sau “before” thiếu động từ chính => loại C (leaving)

Câu không có dấu hiệu nào của thì quá khứ, mệnh đề sau “before” lại là một mệnh đề phụ chỉ thời gian, cần chia ở hiện tại đơn => Chọn B (leaves)

Dịch: Ông Koizumi phải hoàn thành dự toán chi phí trước khi ông ấy rời khỏi hội nghị.

115.

similar: tương tự

Reflected: phản ánh/ phản chiếu

Likable: dễ thương

Considerate: chu đáo

Dịch: Mặc dù cái máy in X150 mới tương tự như các mẫu máy khác, nó có giá chỉ bằng một nửa.

116. promote: thúc đẩy, quảng bá

Declare: tuyên bố

Obtain: đạt được

Benefit: có lợi

Dịch: Để giải quyết thâm hụt ngân sách, Lenere County lập kế hoạch để giới hạn chi tiêu và thúc đẩy du lịch.

117. Dịch: Các hướng dẫn vận hành được đăng trên máy in để bạn có thể tham khảo nó một cách dễ dàng.

118. Đây là câu đã đầy đủ bộ phận chính, chủ ngữ và 1 động từ chính làm vị ngữ, động từ begin đóng vai trò là mệnh đề quan hệ rút gọn ở chủ động nên phải dùng Ving (which begin = beginning)

Dịch: Bảo tàng lịch sử Vickwell sẽ được đóng cửa để tân trang lại cho ngày thứ 2 ngày 10 tháng 9.

119. Chỉ có “very” có thể đứng trước tính từ so sánh nhất kết thúc là “est” hoặc “best”, “worst” để nhấn mạnh về mức độ

Dịch: Vườn thực vật Finley thực hiện các kỹ thuật nông nghiệp mới nhất.

120. Câu hỏi về từ vựng, xét về nghĩa thì before: trước phù hợp nhất

Dịch: Theo hướng dẫn bồi thường, nhân viên thường xuyên hoàn thành công việc trước khi nó đến hạn có thể nhận tiền thưởng

121. Sau “your” – 1 tính từ sở hữu cần 1 danh từ,

Dịch: Cảm ơn bạn đã tham gia cuộc khảo sát nâng cao cộng đồng Foxdale Apartments

122. Câu hỏi từ vựng, tất cả các đáp án là danh từ, nhưng factor (yếu tố) là phù hợp nhất về nghĩa

Factor = element = feature

Dịch: Năng lượng mặt trời đã trở thành một yếu tố quan trọng trong việc phát triển các nguồn năng lượng bổ sung trong khu vực.

123. Đây là câu hỏi từ vựng, xét về nghĩa, từ regarding (về) là phù hợp nhất

Regarding = about = concerning

Dịch: Công ty ô tô LPN đã phát hành một báo cáo đặc biệt để giải quyết các mối lo ngại về hiệu quả nhiên liệu của các phương tiện của nó.

124. sau động từ “think” cần 1 trạng từ để bổ nghĩa cho nó.

Cấu trúc: help + sb + V

Dịch: Chương trình rút kinh nghiệm của công ty năm nay sẽ tập trung vào các kỹ thuật giúp mọi người suy nghĩ sáng tạo hơn

125.

apply (+for): đăng kí

Vacate: bỏ trống

Submit: nộp

Oppose (+to+N/Ving): phản đối

Dịch: Nhân viên phải nộp yêu cầu về thời gian nghỉ để cô Cheung phê duyệt.

126. among + Đại từ phản thân = với nhau

Dịch: Các thành viên hội đồng quản trị được tự do thảo luận các vấn đề với nhau trước khi các phiếu biểu quyết chính thức được thực hiện.

127. trong cấu trúc: be + ... + Noun: chỗ trống cần điền 1 trạng từ (adv) để bổ nghĩa

Dịch: Đánh giá bằng doanh số bán vé, nỗ lực đầu tiên của Fen Wang trong việc đạo diễn một bộ phim rõ ràng là một thành công

128. Câu hỏi về từ vựng, xét nghĩa của từ while phù hợp nhất.

Phân biệt when, while:

When thường được sử dụng để nói về hai hành động đồng thời đang diễn ra trong một thời gian ngắn.

While thường được sử dụng để nói về hai hành động đang diễn ra và kéo dài tại cùng 1 thời điểm. Ngoài ra while còn dùng để diễn tả sự đối lập (= whereas, although)

Dịch: Trong khi khu vực đỗ xe của Liên minh Tín dụng Nolan hiện đang mở cửa cho công chúng, một phần đã được dành riêng cho nhân viên Liên minh Tín dụng.

129. as well as: cũng như

As soon as: ngay khi

In regard to: về (vấn đề)

In addition to: thêm vào.

Dịch: Các kỹ thuật viên dược phẩm có trách nhiệm xác minh và xử lý đơn thuốc ngay sau khi bác sĩ yêu cầu.

130.

Activation: sự kích hoạt

Compliance(+with): tuân thủ theo (=obedience)

Fulfillment: sự làm đầy

Indication: cái biểu thị

Dịch: Tất cả nhân viên phòng thí nghiệm phải tham dự hội thảo an toàn lâm sàng để đảm bảo tuân thủ các quy định mới.

133. Chỗ trống cần điền là một giới từ chỉ thời gian đi cùng với thì hiện tại hoàn thành phía sau, ta chọn B: over

134. Câu trên đang đề cập tới việc ông Munrow đã tổ chức một vài sự kiện gây quỹ cho một số tổ chức nên câu cần điền cũng cần có nội dung liên quan tới những sự kiện này, nên có duy nhất đáp án C là liên quan nhất

135. Đây là câu về từ vựng, ta căn cứ vào ngữ cảnh của câu, ở phần trước có nhắc tới việc mừng lễ thành lập lần thứ 50 của một kênh đài radio nên có đáp án C: programming, việc lên chương trình là phù hợp nhất

136. Câu này thiếu động từ, quan sát phía trước có cụm “over the years” là dấu hiệu của hiện tại hoàn thành nên chọn đáp án D: have offered (dấu hiệu nhận biết thì httt tương tự câu 133)

137. Để điền được cả một câu vào chỗ trống thì câu này cần phải có nội dung liên quan tới câu trước, trong tất cả các đáp án thì có câu B là hợp lí nhất.
138. Ta có cụm “this....occasion”, từ cần điền phải là 1 tính từ để bổ nghĩa cho occasion phía sau, nên đáp án là A
- 139 B
140. Dựa vào việc cơ quan thành phố phê duyệt dự án cho một công ty, nên việc làm này sẽ mang lại những cơ hội việc làm, cơ hội kinh tế. Dựa theo ngữ nghĩa ta chọn đáp án A.
141. Câu cần thiếu phải có liên quan với cả câu liền trước với câu liền sau. ở đây ta thấy **câu trước** nói tới việc **ông thị trường** vui mừng vì dự án được xúc tiến sau nhiều lần trì hoãn, còn **câu sau** nhắc tới việc **cán bộ của cty này** lo lắng tới những hạn chế có thể vẫn còn tồn tại, từ đó suy ra được đáp án A có mối nối nhất với cả 2 câu.
142. Về sau của câu nhắc tới những vấn đề có thể phát sinh, dựa vào ngữ cảnh của câu ta chọn *estimate: ước tính* là phù hợp nhất.
143. dựa vào ngữ cảnh
144. Câu phía trước đang nhắc tới việc số phát hành đến tay độc giả trong vòng vài ngày sau đó sẽ được gửi vào đầu tháng, dựa theo dòng nội dung thì có đáp án B là phù hợp về nghĩa, đề cập tới trường hợp không nhận được số phát hành thì độc giả cần phải liên lạc lại ngay.
145. Phía trước chỗ trống “unlimited” là một tính từ nên ta cần chọn một danh từ cho vị trí này là đáp án là D (allows you unlimited access: cho phép bạn truy cập không giới hạn)
146. Tất cả những gì bạn cần là đăng nhập sử dụng số đăng kí và mật khẩu, cái mà bạn sẽ tìm được trên phiếu đăng kí được đính kèm.
147. Bạn đọc để ý chi tiết “We are pleased to announce..... An associate attorney” (câu đầu)
148. Bạn đọc để ý chi tiết “Please join us this Thursday.....our office” (câu cuối)
149. Bạn đọc để ý chi tiết “As a result, we will no longer.....online instead”
150. Bạn đọc để ý chi tiết “If you find that.....the necessary changes”

151. Bạn đọc đề ý chi tiết “small businesses” (first step)+ “your employees” (Fostering Fellowship)
+ own employees (team activities)

152. Bạn đọc đề ý chi tiết “Identify your company’s long and short-term objectives”.

153. 17 April + 40 per person + lunch break.